

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1115/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12/11/2018

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Năm

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Tuyết Trinh - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 647/2018/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018, về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973

Địa chỉ: 690/15/3 đường D, Phường C, Quận T, Thành phố M

Địa chỉ liên lạc: Ấp L, xã Q, huyện R, tỉnh P.

(Có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng Đ, sinh năm 1971

Địa chỉ: 690/15/3 đường D, Phường C, Quận T, Thành phố M

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Bà Đ và ông H sống chung năm 1995 có đăng ký kết hôn số 99/95 quyển số 01 ngày 14/12/1995 tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận T, Thành phố M. Vợ chồng sống không hạnh phúc do không hợp tính tình và cách sống, bà Đ thường xuyên cờ bạc ông góp ý thì không chịu sửa đổi. Gia đình không hạnh phúc, thường gây cãi nên ông đã phải sống riêng, tình cảm vợ chồng dần dần phai nhạt. Nhận thấy tình cảm không còn nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mộng Đ. Quá trình chung sống vợ chồng ông H và bà Đ có hai con chung tên Nguyễn Văn HĐ, sinh ngày 15/7/1997 và Nguyễn Văn HL, sinh ngày 29/7/2005. Hiện nay con chung đang sống với bà Đ nên ông H yêu cầu giao con chưa thành niên

tên HL cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng ông H sẽ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 (một triệu) đồng /tháng. Ông H không có yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung. Ông H xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng Đ trình bày: Ông H và bà Đ sống chung từ năm 1995 có đăng ký kết hôn, có 02 con chung như ông H trình bày. Bà Đ không biết vì sao ông H xin ly hôn vì gia đình sống bình thường. Bỗng nhiên ông H bỏ đi, gia đình đã tìm kiếm không gặp. Bà Đ không đồng ý ly hôn vì còn yêu thương ông H. Bà Đ không thừa nhận việc ông H khai mâu thuẫn gia đình do bà cờ bạc, gây nợ thường xuyên vì bà chỉ mắc nợ một lần và hiện nay lo đi làm nuôi con, không cờ bạc. Các con cũng rất cần có sự chăm sóc của cha. Bà Đ mong ông H nghĩ lại về sống chung với bà và các con. Bà Đ xác định vợ chồng không có nợ chung, không có tài sản chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự tuân thủ pháp luật, không có vi phạm tố tụng; Về nội dung đề nghị không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn vì mâu thuẫn gia đình còn có thể hàn gắn được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn của ông Nguyễn Văn H thì đây là vụ án dân sự tranh chấp về ly hôn, trong đó bị đơn cư trú tại Quận 8. Vì vậy, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về các yêu cầu và trách nhiệm của các đương sự :

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ và ông H sống chung năm 1995 có đăng ký kết hôn số 99/95 quyền số 01 ngày 14/12/1995 tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận T, Thành phố M nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ông H xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng gay gắt, ông không còn tình cảm với bà Đ, không thể kéo dài đời sống chung nên cương quyết xin ly hôn. Ông H cho rằng do bà Đ cờ bạc gây nên nợ nần ông góp ý nhiều lần mà bà vẫn không chịu sửa chữa nhưng không có chứng cứ chứng minh việc bà Đ không sửa đổi. Hiện nay bà Đ đang làm việc có thu nhập ổn định. Ông H không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình mà tự ý bỏ đi thể H việc thiếu trách nhiệm với gia đình. Bà Đ tha thiết yêu cầu ông H nghĩ lại quay về sống chung lo nuôi dạy con chung và bà rất yêu thương ông H, nếu bà có làm gì ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình thì bà sẽ sửa đổi để gia đình hạnh phúc. Trong thời gian ông bỏ nhà ra sống riêng bà Đ đã cố gắng tìm kiếm nhưng không gặp. Từ những nhận định trên có cơ sở xác định cuộc sống gia đình của ông H và bà Đ vẫn còn có thể duy trì hạnh phúc nếu các bên cố gắng cải thiện quan hệ, cùng sống chung. Do đó, yêu cầu ly hôn bà Đ của ông H là chưa đủ căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về con chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn bà Đ của ông H nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung ông H tự khai không có nên không đặt vấn đề giải quyết.

Xét đề nghị của của đại diện viện kiểm sát về việc không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 51, Điều 56, của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1/ Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn H về việc ly hôn với bà Nguyễn Thị Mộng Đ.

-Về con chung: Tòa không đặt vấn đề giải quyết.

-Về tài sản chung và nợ chung : Tòa không đặt vấn đề giải quyết.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng ông Nguyễn Văn H phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0014883 ngày 20/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Ông H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực H theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THA DS Q8;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thúy Hòa

